



Ăn uống dưới khía cạnh tâm linh CỦA NGƯỜI KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

✍️ TRẦN PHỒNG ĐIỀU

Đối với người Khmer, hạt gạo có vị trí quan trọng trong đời sống của họ. Vì là cư dân nông nghiệp, con người phải đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có được bát gạo trắng nên người Khmer rất trân trọng hạt gạo. Từ các loại gạo, nếp thu hoạch từ mùa vụ, ngoài việc dùng để nấu cơm ăn hàng ngày, người Khmer còn dùng sản vật nông nghiệp này để cúng tổ tiên, ông bà, trời Phật... Đây là lễ nghi nông nghiệp có truyền thống từ lâu đời của dân tộc. Ngoài việc dâng cơm cho sư sãi, họ còn làm bánh, cốm dẹp từ các hạt gạo, hạt nếp để dâng cúng thần thánh, tổ tiên trong các lễ Ook om bok hay lễ Đôn ta. Để thể hiện lòng trân trọng đối với hạt lúa, người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) còn có hẳn câu chuyện dân gian kể về nó.

Truyện kể rằng, ngày xưa có đôi vợ chồng nọ rất nghèo, họ phải làm quần quật từ sáng tới tối mà vẫn không đủ ăn. Sở dĩ họ nghèo là vì vị thần được Ngọc Hoàng sai đem ngũ cốc xuống trần gian gieo trồng mãi vui chơi nên đã rải lộn cỏ thay vì lúa. Cảnh đói nghèo của đôi vợ chồng này đã thấu đến Ngọc Hoàng, Ngọc Hoàng sửa sai bằng cách bảo Thần Nông đem lúa xuống gieo ở trần gian. Từ đó về sau, đôi vợ chồng này đã có cơm ăn áo mặc và Ngọc Hoàng đã bù đắp cho họ bằng cách, họ không phải ra ruộng gặt. Mỗi khi lúa chín, các hạt lúa tự động lăn vào nhà họ, mà hạt nào hạt nấy to bằng trái bí. Cứ thế đến mùa lúa, đôi vợ chồng này chỉ việc ở nhà đợi lúa lăn vào mà ví bỏ đựng. Thời gian sau, người chồng mất, người vợ đâm ra nghiện cờ bạc. Từ sáng tới tối bà chỉ lo đánh bạc, không làm gì cả. Một hôm, đến mùa lúa chín, hạt lúa lại lăn vào, bà ta đang thua bài, bực quá lấy chổi đập hạt lúa, hạt lúa lập tức bể ra từng miếng. Chuyện đến tai Ngọc Hoàng, Ngọc Hoàng tức giận, phán rằng: từ nay, con người muốn có cái ăn phải ra đồng gặt. Và hạt lúa vì bị đập bể nên trở nên nhỏ bé như ngày nay.

Một truyền thuyết khác lại cho rằng: Ngày xưa con người không phải cấy lúa, trồng lúa và gặt lúa như bây giờ, mà lúa tự mọc ra, lớn lên, trở bông. Đến khi lúa chín thì tự động lúa sẽ bay vào nhà, con người cứ thế mà có lúa ăn, không phải làm lụng vất vả. Một hôm như thường lệ, lúa chín bay vào nhà nhưng những người trong ngôi nhà nọ chưa chuẩn bị mọi thứ để đón lúa vào, vả lại lúc ấy trong nhà cũng lu bu nên một người phụ nữ bực bội trong mình dùng đòn gánh đánh vào

hạt lúa, lúa lập tức vỡ văng ra từng mảnh và chui vào một khe núi, không có người hay vật nào có thể vào lấy ra được. Cuối cùng có con cá thát lát mình đẹp, vì thương con người đang bị chết đói, đã cố gắng chen, lách vào hốc núi tìm hỗn lúa, cầu xin về cứu giúp con người đang bị nạn đói đe dọa. Thần lúa chấp nhận nhưng với điều kiện là từ đây về sau hạt lúa sẽ không tự mọc và tự về nhà nữa, mà con người phải gieo hạt, chăm sóc cho đến khi cây lúa lớn lên và khi lúa chín thì phải ra đồng gặt về mới có ăn.

Người Khmer còn quan niệm: “Cây lúa giống như người phụ nữ - có thời con gái, có lúc đẻ con... Hình tượng nữ thần lúa trong người Khmer là người đàn bà cưỡi trên mình cá chép, tay cầm nhánh lúa. Vì vậy, phần nhiều tên các giống lúa đều được gọi bắt đầu bằng chữ nàng hoặc neang; nàng Đen, nàng Lép, nàng Quýt, nàng Cho... Người Khmer còn tin lúa có 19 hồn (pralun srau). Trước khi gặt, người Khmer phải làm lễ cúng gọi hồn lúa về nhà. Sau khi gặt, lúa đổ vào bồ phải đập kỹ để hồn lúa khỏi bay đi nơi khác. Theo tục lệ, bao giờ người Khmer cũng lưu lại ở bồ một ít lúa để hồn lúa không biến mất, mùa màng thu hoạch có hiệu quả.

Ngày nay, một số vùng có đồng đảo đồng bào Khmer sinh sống vẫn còn duy trì tục lệ cúng sân lúa. Vì người Khmer quan niệm rằng, để có được lúa đầy bồ thì không chỉ do sức của con người làm ra mà nó còn có sự chi phối rất lớn ở các lực lượng siêu nhiên, như mưa thuận gió hòa thì mới giúp mùa màng bội thu. Cho nên, tục cúng sân lúa vừa như nhắc nhở người nông dân phải biết trả ơn, sẽ chia niềm vui với các thần, biết kính trọng các đấng bề trên, đồng thời cũng nhắc nhở con người phải biết quý trọng hạt lúa.

“Là cư dân nông nghiệp, người Khmer trân trọng lúa gạo do mình sản xuất. Vì đó là nguồn lương thực chính yếu nuôi sống họ. Họ biết ơn hạt lúa như biết ơn cha mẹ. Điều này thể hiện trong tín ngưỡng cúng hồn lúa (cúng pralung srau hoặc hòrai) với thức cúng là một mâm cơm tươm tất, tinh khiết, trong lúc lục achar đọc bài kinh cúng cơm (yath tha) để mời gọi hồn lúa về đem no ấm cho mọi nhà. Các sản phẩm dâng cúng cho tổ tiên và cúng đất, cúng ruộng đều làm từ gạo và nếp. Vào mùa chay mà đỉnh cao của nó là đại lễ Đôn ta (lễ cúng ông bà vào 30 tháng 8 Âm lịch là một hình thức thờ cúng tổ tiên phổ biến ở nhiều cư dân nông nghiệp), đó cũng là dịp người

Khmer có tục lệ tiến hành nghi thức phchun banh (lễ gộp bánh) cho những linh hồn đói khát, vất vưởng.

Còn cúng bái bánh gồm các loại thức cúng như trái cây, bánh ngọt, ngũ cốc và nhất là các vất xôi và cơm được vất thành từng nắm tròn và nhỏ gọi là cơm phước. Đây là món ăn tuy mộc mạc, đơn sơ nhưng chứa đựng trong đó có cả một cảm thụ tín ngưỡng sâu xa của cư dân trồng lúa nước. Người Khmer ĐBSCL đem các loại bái bánh đặt ở xung quanh chánh điện chùa để cúng ông bà, tổ tiên. Cúng xong, một phần món ăn đó được đặt ở cổng chùa bố thí cho người nghèo, một phần bái bánh đem về cúng rải trong ruộng lúa (ei bai srâw) để cúng thần bảo hộ ruộng đất (arak wiel). Tục đưa cơm cho lúa này thuộc dạng tín ngưỡng nông nghiệp nhằm ý nghĩa cầu mong cây lúa, mùa màng sắp tới được tươi tốt, có đủ cơm ăn.

Người Khmer ở ĐBSCL rất kính trọng sư sãi, sư sãi là linh hồn của phum sóc. Cho nên các cụ ông, cụ bà người Khmer dù lớn tuổi mấy khi gặp vị sư trụ trì chùa đều phải mọp người chấp tay xá. Ngay cả người con đã xuất gia, khi đem cơm vào chùa, người mẹ vẫn phải chấp tay lạy con. Điều này được đồng bào giải thích: không phải họ lạy con mà lạy màu áo người con đang mặc. Đó là màu áo Phật. Vì kính trọng sư sãi nên họ cũng kính trọng nhà chùa. Ngôi chùa đối với người Khmer hết sức thiêng liêng, nó là trung tâm văn hóa giáo dục của phum sóc. Người Khmer ít nghĩ về hiện tại mà thường nghĩ về kiếp sau. Họ mong kiếp sau có cuộc sống tốt đẹp hơn. Chính vì lẽ đó, mọi thứ tốt đẹp nhất họ đều đem vào chùa, đều dâng cho sư sãi. Nhà cửa họ có thể tênh toành nhưng ngôi chùa phải rục rờ. Điều này còn thể hiện qua việc dâng cơm cho sư sãi. Ở nhà, họ ăn sao cũng được, nhưng đem cơm đến chùa phải là những món ngon. Nói chung, những gì ngon nhất đều được họ dâng lên sư sãi. Đặc biệt, trong các dịp lễ Tết, số thức ăn dâng cúng chùa rất phong phú và tươi ngon. Để cúng chùa, dường như họ không tiếc bất cứ món ngon nào, họ cũng không hề tiếc công sức để làm các loại bánh ngon dâng cho nhà chùa, cúng tổ tiên, trời Phật. Họ làm điều này để mong được phước về sau.

“Là tín đồ Phật giáo tiểu thừa (Theravada), các sư sãi Khmer vẫn được dùng thức mặn. Thường ngày, các vị sư chỉ ăn hai bữa cơm (sáng và trưa);

sau giờ Ngọ (12 giờ trưa) đến sáng hôm sau, nhà sư không được ăn bất cứ thứ gì, ngoại trừ vài món uống loãng như sữa, trà v.v... Tất cả sư sãi trong chùa đều do tín đồ thuộc phạm vi của ngôi chùa ấy luân phiên nhau nấu và cúng dường thức ăn để nhận được phước. Cơm và thức ăn, bánh trái ngon và sạch sẽ, tinh khiết cũng được cư dân Khmer chuẩn bị đem đến chùa dâng cho sư sãi vào dịp Lễ mừng năm mới (Chol Chnam Thmay) để tỏ lòng trọng vọng. Trước khi dùng các thức ăn do tín đồ mang tới, các vị sư sãi đều tụng kinh làm lễ tạ ơn những người nông dân đã khó nhọc làm ra lương thực, thực phẩm, và nhân đó các vị sư ban thức ăn đến những người nghèo và những linh hồn thiếu đói. Sau khi dùng cơm, các sư sãi lại tụng kinh chúc lành dân trong phum, sóc. Những thức ăn cúng tế cho sư sãi có khi được lồng vào một Phật thoại và được thực hiện theo nghi thức của tín ngưỡng dân gian. Ví dụ, trong lễ Xuất hạ (Bon chanh Vassa) của sư sãi Khmer, người ta tiến hành tục thả đèn nước bằng cách bày cúng các thức ăn như gạo, muối, trái cây, bánh kẹo... vào trong một ngôi đèn nhỏ làm bằng thân và bẹ chuối rồi thả xuống sông trôi bênh bồng. Trẻ con Khmer nhảy xuống nước để tranh nhau các vật cúng ấy vì cho rằng sẽ được phước.

Mặc dù có sự cộng cư lâu dài với các dân tộc Việt, Hoa, Chăm, nhưng người Khmer ở ĐBSCL vẫn bảo tồn được những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Từ các loại hình âm nhạc, lễ hội, trang phục truyền thống... đến tập quán cư trú, văn hóa ẩm thực tất cả đều thể hiện được một bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc mình. Trong văn hóa ẩm thực cũng vậy, người Khmer trong một thời gian dài đã sống chung với các dân tộc Việt, Hoa, Chăm trên cùng một địa bàn cư trú nên không khỏi có sự tiếp xúc và giao thoa lẫn nhau. Người Khmer hiện nay không chỉ ăn các món ăn truyền thống của dân tộc mà họ còn tiếp thu các món ăn của các dân tộc khác để làm phong phú thêm cho nền văn hóa ẩm thực của mình. Tuy vậy, trong sinh hoạt đời thường, cũng như trong sinh hoạt lễ hội truyền thống, người Khmer ở ĐBSCL vẫn có ý thức giữ gìn và phát triển những món ăn mang tính đặc trưng của dân tộc Khmer.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990), *Văn hóa và cư dân ĐBSCL*, Nxb KHXH, tr.379.
2. Phan Thị Yến Tuyết (1992), *Nhà ở - Trang phục - Ăn uống của các dân tộc vùng ĐBSCL*, Nxb KHXH Hà Nội, tr.168.
3. Phan Thị Yến Tuyết, *Sdd*, tr.167.